

Số: 277/2021/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 25 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 268/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Võ Chiến T, sinh năm 1967;

Địa chỉ thường trú: Số C đường H, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: Số A đường T, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phạm Thị Minh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ thường trú: Số C đường H, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: Số A đường T, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Võ Chiến T và bà Phạm Thị Minh T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01, ngày 18/8/2005 của Ủy ban nhân dân phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 16/3/2021 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/3/2021, ông Võ Chiến T và bà Phạm Thị Minh T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Có 02 người con chung tên Võ Thùy D, sinh ngày 14/01/2006 và Võ Minh K, sinh ngày 11/06/2010. Sau khi ly hôn ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thùy D, sinh ngày 14/01/2006, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Minh

K, sinh ngày 11/06/2010. Việc cấp dưỡng nuôi con do ông T và bà T tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Võ Chiến T và bà Phạm Thị Minh T tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con nên cần chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Chiến T và bà Phạm Thị Minh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01, ngày 18/8/2005 của Ủy ban nhân dân phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Võ Chiến T và bà Phạm Thị Minh T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Võ Thùy D, sinh ngày 14/01/2006 và Võ Minh K, sinh ngày 11/06/2010. Sau khi ly hôn ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thùy D, sinh ngày 14/01/2006, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Minh K, sinh ngày 11/06/2010. Việc cấp dưỡng nuôi con do ông T và bà T tự thỏa thuận.

Ông T, bà T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết hoặc khi có lý do chính đáng, một hoặc các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Võ Chiến T và bà Phạm Thị Minh T phải chịu nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông T và bà T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2019/0028126 ngày 16/03/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp. Ông Võ Chiến T và bà Phạm Thị Minh T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lương Quốc Việt